

Số: /GPMT-BQL

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1296/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng và Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 1296/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin tập trung, Khu thương mại tự do và các Khu công nghiệp;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường và giải trình, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Xí nghiệp

chế biến gỗ Vinafor Đà Nẵng” tại Công văn số 30/CVGT-VNF ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng, địa chỉ trụ sở chính tại 1081 Ngô Quyền, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng (trước đây là phường An Hải Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Xí nghiệp chế biến gỗ Vinafor Đà Nẵng” địa chỉ tại đường Lạc Long Quân, Khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (trước đây là phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Xí nghiệp chế biến gỗ Vinafor Đà Nẵng

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường Lạc Long Quân, Khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0400422373 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp (nay là Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng), đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 06 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 17 tháng 01 năm 2025; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 0400422373-008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp (nay là Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng), đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10 tháng 01 năm 2024;

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8877810262 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng cấp, chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 12 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 0400422373

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công bàn ghế và các sản phẩm đồ gỗ từ gỗ xẻ nguyên liệu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích của cơ sở: 48.433,7m² (lô 1: 14.863m² và lô 2: 32.578,7m² theo Hợp đồng thuê lại đất số 02/2011/HĐTLĐ-HK ngày 30/3/2011, phụ lục hợp đồng thuê lại đất số 03/PLHĐ-HK ngày 6/3/2023; Hợp đồng thuê lại đất số 01/2021/HĐTLĐ-HK ngày 04/01/2021 và phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số 02/PLHĐ-HK ngày 9/9/2024);

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công);

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

- Công suất: 5.400m³ sản phẩm/năm
- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất: Gỗ keo xẻ (nhập gỗ xẻ đã có hình dạng, kích thước từ các nhà cung cấp) → Sấy (nhiệt từ lò hơi sử dụng nhiên liệu củi đốt) → Sơ chế (cắt, rong, lượn, bào) → Kết cấu: Chà nhám thùng, phay mộng, khoan, đục,... → Lắp ráp → Hoàn thiện: Chà nhám → Sơn → Kiểm tra chất lượng → Đóng gói → Nhập kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (Mười) năm

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày ... tháng ... năm)

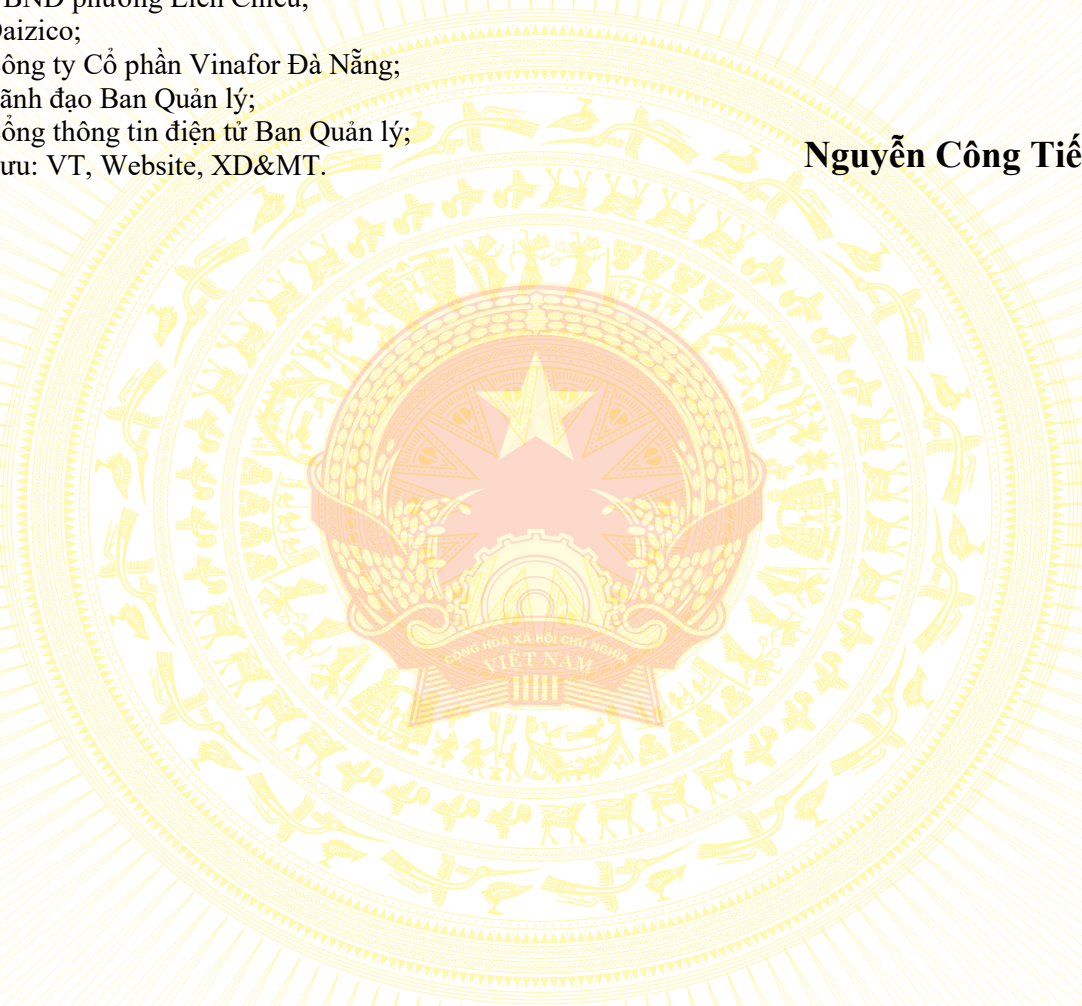
Điều 4. Giao Phòng Xây dựng và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Xí nghiệp chế biến gỗ Vinafor Đà Nẵng” theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố;
- UBND phường Liên Chiểu;
- Daizico;
- Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng;
- Lãnh đạo Ban Quản lý;
- Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý;
- Lưu: VT, Website, XD&MT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Công Tiến



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2025 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường:

- Nước thải sau khi xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng để tiếp tục xử lý; không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Đã có thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Khánh và ký kết tiếp nhận, xử lý nước thải tại Hợp đồng kinh tế số 44/2020/HĐ/XLNT ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng – Xí nghiệp chế biến gỗ Vinafor Đà Nẵng và Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội - Chi nhánh miền Trung (đơn vị tiếp nhận, vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

- + Nước thải đen (từ hố xí, tiểu) từ hoạt động vệ sinh toilet → Bể tự hoại → Tuyến ống thu gom PVC D114mm, độ dốc $i = 1\%$ → Hố ga tập trung (H3).

- + Nước thải xám (từ chậu rửa tay, nước lau rửa sàn ...) → Tuyến ống thu gom PVC D114mm, độ dốc $i = 1\%$ → Hố ga tập trung (H3).

- + Nước thải từ nhà bếp → Bể tách dầu mỡ → Bơm theo tuyến ống PVC D60mm → Hố ga tập trung (H3).

- Nước thải sản xuất:

- + Nước thải phát sinh từ các thiết bị phun sơn màng nước → Đường ống PVC 114mm → Bể lắng lọc 2 → Bơm tự động dẫn về hố ga tập trung (H3);

- + Nước thải xả định kỳ từ bể đập bụi của hệ thống xử lý khí thải lò hơi (01 tuần/lần, 04 lần/tháng) và nước súc rửa nồi hơi (01 tháng/01 lần) → Đường ống PVC D90mm → Bể lắng lọc 1 → Bơm tự động dẫn về hố ga tập trung (H3);

Nước thải sau khi xử lý sơ bộ dẫn về hố ga tập trung (H3) → Điểm đầu nối nước thải có tọa độ vị trí $X = 1778243.4$ $Y = 541956.5$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°) đường số 11 (đường Lạc Long Quân), Khu công

nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Khánh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Bể tự hoại

- Vị trí, thể tích:

+ 02 bể tự hoại bố trí tại các phân xưởng sản xuất (lô 2), kích thước mỗi bể là $D \times R \times C = 3,2 \times 1,6 \times 1,3$ (m);

+ 01 bể tự hoại khu nhà ăn (lô 2) kích thước $D \times R \times C = 3,4 \times 1,2 \times 1,7$ (m);

+ 01 bể tự hoại tại nhà vệ sinh nhà văn phòng (lô 2) kích thước $D \times R \times C = 3,4 \times 1,4 \times 1,7$ (m);

+ 01 bể tự hoại tại nhà vệ sinh lô 1 với kích thước $D \times R \times C = 2,75 \times 1,5 \times 1,8$ (m).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga tập trung (H3) → Hồ ga đầu nối nước thải đường Lạc Long Quân, Khu công nghiệp Hòa Khánh;

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

b) Bể tách dầu mỡ

- Vị trí: 01 bể tại khu vực nhà ăn;

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tách dầu mỡ 03 ngăn (ngăn lọc, ngăn tách mỡ và ngăn lắng) → Hồ bơm (H1) → Hồ ga tập trung (H3) → Hồ ga đầu nối nước thải đường Lạc Long Quân, Khu công nghiệp Hòa Khánh;

- Công suất thiết kế: $L \times B \times H = 4,8 \times 2,6 \times 1,8$ m

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

c) Công trình xử lý nước thải - Bể lắng lọc 1

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể lắng lọc 04 ngăn (02 ngăn lắng và 02 ngăn lọc với vật liệu sỏi, cát (chiều cao lớp vật liệu lọc 0,3m; định kỳ thay thế vật liệu lọc 03 tháng/lần)) → Ngăn bơm và được bơm tự động vào hồ gom tập trung (H3) → Hồ ga đầu nối, hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh;

- Công suất thiết kế: Kích thước $D \times R \times C = 3,6 \times 1,5 \times 2,0$ m

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Sỏi, cát.

d) Công trình xử lý nước thải - Bể lắng lọc 2

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể lắng lọc 04 ngăn (02 ngăn lắng và 02 ngăn lọc với vật liệu sỏi, cát (chiều cao lớp vật liệu lọc 0,3m; định kỳ thay thế vật liệu lọc 03 tháng/lần)) → Ngăn bơm và được bơm tự động vào hồ gom tập trung (H3) → Hồ ga đầu nối, hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh;

- Công suất thiết kế: Kích thước $D \times R \times C = 3,6 \times 1,5 \times 2,0$ m

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Sỏi, cát.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục được quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với các công trình xử lý nước thải

- Trang bị các vật dụng, thiết bị, vật liệu phù hợp để thay thế khi bơm nước bị hỏng, bảo đảm các công trình xử lý nước thải hoạt động ổn định, phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; Sử dụng thiết bị, phương tiện nhận diện, phát hiện, cảnh báo sớm sự cố chất thải (nếu có);

- Vận hành các công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình thiết kế; Xây dựng quy trình vận hành các công trình xử lý nước thải phù hợp và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình này, đảm bảo thông tin trong quá trình vận hành được kết nối thông suốt từ nhân viên vận hành đến bộ phận quản lý;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước; Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn;

- Khi xảy ra sự cố, nước thải phải được thu gom về thiết bị lưu chứa, sau khi sự cố được khắc phục, thu gom nước thải lưu chứa tại thiết bị lưu chứa về hệ thống xử lý nước thải để xử lý; Trường hợp xảy ra sự cố vỡ bồn, bể gây tràn đổ nước thải ra ngoài môi trường thì phải triển khai các biện pháp phù hợp để khử các chất ô nhiễm, gia cố bồn, bể bị vỡ bảo đảm an toàn;

- Nhân sự vận hành, lực lượng tham gia phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải được tập huấn, huấn luyện kỹ năng, nghiệp vụ về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định;

- Tổ chức ứng phó sự cố chất thải phù hợp với cấp sự cố theo quy định; Thu gom, xử lý chất thải phát sinh từ sự cố chất thải theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường; điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Công trình xử lý nước thải - Bể lắng lọc 1;

- Công trình xử lý nước thải - Bể lắng lọc 2.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào của công trình xử lý nước thải và đầu ra của công trình xử lý nước thải trước khi xả thải vào hồ ga tập trung nước thải nội bộ (H3).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng phải giám sát các thông số ô nhiễm có trong nước thải sau khi được xử lý, đảm bảo đạt yêu cầu các thông số ô nhiễm tối đa cho phép xả thải vào hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp Hòa Khánh theo Hợp đồng tiếp nhận, xử lý nước thải ký kết giữa Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng và Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội – Chi nhánh miền Trung số 44/2020/HĐ/XLNT ngày 24 tháng 11 năm 2020.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành các công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng yêu cầu, điều kiện tiếp nhận đầu nổi nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh; không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nổi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Khánh để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm của các công trình xử lý nước thải.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này, Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi về Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2025 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

* Nguồn thải có hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ buồng phun sơn 01;
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ buồng phun sơn 02;
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ buồng phun sơn 03;
- Nguồn số 04: Bụi, khí thải phát sinh từ buồng phun sơn 04;
- Nguồn số 05: Bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn cưa, rong, bào (xưởng 1);
- Nguồn số 06: Bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn phay, mộng,...(xưởng 1);
- Nguồn số 07: Bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn khoan, đục,... (xưởng 1);
- Nguồn số 08: Bụi, khí thải phát sinh công đoạn chà nhám, bo cạnh (xưởng 1);
- Nguồn số 09: Bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn gia công gỗ (xưởng 2);
- Nguồn số 10: Khí thải phát sinh từ lò hơi 5 tấn/giờ sử dụng nhiên liệu đốt củi;

* Nguồn thải không có hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 11: Mùi phát sinh từ nhà bếp.

2. Dòng khí thải, vị trí, lưu lượng xả khí thải lớn nhất và phương thức xả khí thải

Dòng khí thải	Ống khói tương ứng	Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 107 ⁰ 45' múi chiều 3 ⁰)		Lưu lượng xả lớn nhất (m ³ /giờ)	Phương thức xả khí thải
		X	Y		
Dòng khí thải số 01	Ống xả (số 01-1) sau hệ thống xử lý bụi sơn màng nước 01 (nguồn số 01)	1778368	539378	8.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 02	Ống xả (số 01-2) sau hệ thống xử lý bụi sơn màng nước 01 (nguồn số 01)	1778368	539378	8.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 03	Ống xả (số 01- 3) sau hệ thống xử lý bụi sơn màng nước 01 (nguồn số 01)	1778368	539378	8.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất

Dòng khí thải số 04	Ống xả (số 01-4) sau hệ thống xử lý bụi sơn màng nước 01 (nguồn số 01)	1778368	539378	8.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 05	Ống xả (số 02-1) sau hệ thống xử lý bụi sơn màng nước 02 (nguồn số 02)	1778326	539455	8.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 06	Ống xả (số 02-2) sau hệ thống xử lý bụi sơn màng nước 02 (nguồn số 02)	1778326	539455	8.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 07	Ống xả (số 02-3) sau hệ thống xử lý bụi sơn màng nước 02 (nguồn số 02)	1778326	539455	8.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 08	Ống xả (số 02-4) sau hệ thống xử lý bụi sơn màng nước 02 (nguồn số 02)	1778326	539455	8.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 09	Ống xả (số 03-1) sau hệ thống xử lý bụi sơn màng nước 03 (nguồn số 03)	1778324	539418	8.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 10	Ống xả (số 03-2) sau hệ thống xử lý bụi sơn màng nước 03 (nguồn số 03)	1778324	539418	8.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 11	Ống xả (số 03-3) sau hệ thống xử lý bụi sơn màng nước 03 (nguồn số 03)	1778324	539418	8.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 12	Ống xả (số 03-4) sau hệ thống xử lý bụi sơn màng nước 03 (nguồn số 03)	1778324	539418	8.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 13	Ống xả (số 04-1) sau hệ thống xử lý bụi sơn màng nước 04 (nguồn số 04)	1778353	539408	8.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 14	Ống xả (số 04-2) sau hệ thống xử lý bụi sơn màng nước 04 (nguồn số 04)	1778353	539408	8.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 15	Ống xả (số 04-3) sau hệ thống xử lý bụi sơn màng nước 04 (nguồn số 04)	1778353	539408	8.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất

Dòng khí thải số 16	Ống xả (số 04-4) sau hệ thống xử lý bụi sơn màng nước 04 (nguồn số 04)	1778353	539408	8.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 17	Ống xả (số 17) sau hệ thống xử lý khí thải Cyclone X1 (nguồn số 05)	1778780	539401	30.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 18	Ống xả (số 18) sau hệ thống xử lý khí thải Cyclone X2 – X3 (nguồn số 06 và 07)	1778780	539401	50.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 19	Ống xả (số 19) sau hệ thống xử lý khí thải Cyclone X5 (nguồn số 09)	1778775	539380	30.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 20	Ống xả (số 20) sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi 5 tấn/giờ (nguồn số 10)	1778434	539398	28.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Lưu lượng xả thải tối đa				266.000	

Vị trí xả khí thải trong khuôn viên của cơ sở “Xí nghiệp chế biến gỗ Vinafor Đà Nẵng”, Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng tại đường Lạc Long Quân, Khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, áp dụng QCVN 19:2009/BTNMT⁽¹⁾ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B hệ số $K_p=0,8$ và $K_v=1$) và QCVN 20:2009/BTNMT⁽²⁾ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01 đến số 16			- 06 tháng/lần đối với các thông số hợp chất hữu cơ; - 03 tháng/lần đối với các thông số còn lại.	Không thuộc đối tượng quy định
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160 ⁽¹⁾		
2	n-Butyl axetat	mg/Nm ³	950 ⁽²⁾		
3	Toluen	mg/Nm ³	750 ⁽²⁾		
4	Xylene	mg/Nm ³	870 ⁽²⁾		
II	Dòng khí thải số 17, 18, 19				
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160 ⁽¹⁾		
III	Dòng khí thải số 20				

1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160 ⁽¹⁾		
2	CO	mg/Nm ³	800 ⁽¹⁾		
3	SO ₂	mg/Nm ³	400 ⁽¹⁾		
4	NO _x	mg/Nm ³	680 ⁽¹⁾		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01, 02, 03, 04: Bụi, khí thải thiết bị phun sơn → Buồng phun màng nước → Xả ra môi trường qua ống thải của dòng khí thải tương ứng;

- Nguồn số 05: Bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn cưa, rong, bào (xưởng 1) → Hệ thống xử lý khí thải Cyclone X1 → Xả ra môi trường qua ống thải;

- Nguồn số 06: Bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn phay, mộng,... (xưởng 1) → Hệ thống xử lý khí thải Cyclone X2 → Xả ra môi trường qua chung một ống thải với nguồn số 07;

- Nguồn số 07: Bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn khoan, đục,... (xưởng 1) → Hệ thống xử lý khí thải Cyclone X3 → Xả ra môi trường qua chung một ống thải với nguồn số 06;

- Nguồn số 08: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn chà nhám, bo cạnh (xưởng 1) → Hệ thống xử lý khí thải Cyclone X4 và hệ thống lọc bụi túi vải → Thu hồi triệt để bụi gỗ, không có ống xả khí thải ra môi trường;

- Nguồn số 09: Bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn gia công gỗ (xưởng 2) → Hệ thống xử lý khí thải Cyclone X5 → Xả ra môi trường qua ống thải;

- Nguồn số 10: Khí thải phát sinh từ lò hơi 5 tấn/giờ sử dụng nhiên liệu đốt củi → Hệ thống xử lý khí thải lò hơi → Xả ra môi trường qua ống thải;

- Nguồn số 11: Mùi phát sinh từ nhà bếp → Xả ra môi trường qua ống thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

a) Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn (04 buồng phun sơn)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Buồng phun màng nước → Quạt hút → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải;

- Công suất thiết kế: 04 quạt hút/ 01 buồng phun sơn; 8.000m³/giờ/quạt.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: không.

b) Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn cưa, rong, bào (xưởng 1)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Quạt hút → Cyclone X1 (khô) → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải; Bụi, mùn cưa, phôi gỗ,... được thu hồi tại các Cyclone tiếp tục được hút dẫn về hệ thống thu hồi bụi trung tâm X6 để được thu gom và vận chuyển xử lý hằng ngày.

- Công suất thiết kế: 30.000m³/giờ

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: không.

c) Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn phay, mộng, khoan, đục,... (xưởng 1)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Quạt hút → Cyclone X2 và X3 (khô) → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải; Bụi, mùn cưa, phôi gỗ,... được thu hồi tại các Cyclone tiếp tục được hút dẫn về hệ thống thu hồi bụi trung tâm X6 để được thu gom và vận chuyển xử lý hằng ngày.

- Công suất thiết kế: 50.000m³/giờ

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: không.

d) Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn chà nhám, bo cạnh (xưởng 1)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Quạt hút → Cyclone X4 (khô) → Hệ thống lọc bụi túi vải → Không xả ra ngoài môi trường, thu hồi bụi gỗ; Bụi, mùn cưa, phôi gỗ,... được thu hồi tại các Cyclone tiếp tục được hút dẫn về hệ thống thu hồi bụi trung tâm X6 để được thu gom và vận chuyển xử lý hằng ngày.

- Công suất thiết kế: 30.000m³/giờ

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: không.

đ) Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn gia công gỗ (xưởng 2)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Quạt hút → Cyclone X5 (khô) → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải; Bụi, mùn cưa, phôi gỗ,... được thu hồi tại các Cyclone tiếp tục được hút dẫn về hệ thống thu hồi bụi trung tâm X6 để được thu gom và vận chuyển xử lý hằng ngày.

- Công suất thiết kế: 30.000m³/giờ

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: không.

e) Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi 5 tấn/giờ

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Quạt hút → Cyclone → Bể dập bụi nước → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải;

- Công suất thiết kế: 28.000m³/giờ

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Ban hành các quy định trách nhiệm cho các nhân sự liên quan đến việc sử dụng lò hơi, đăng kiểm sử dụng lò hơi tại cơ quan có thẩm quyền; Không sử dụng lò hơi đã quá kỳ hạn kiểm định ghi trong lý lịch hoặc các biên bản kiểm định, giấy phép sử dụng; Tiến hành sửa chữa lò hơi theo đúng lịch và kiểm định kỹ thuật lò hơi theo đúng thời hạn quy định;

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, tần suất 3 tháng/lần;

- Lập sổ theo dõi quá trình vận hành để ghi chép các hiện tượng, sự cố bất thường và giải pháp xử lý sự cố;

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình thiết kế; Xây dựng kịch bản ứng cứu khi có sự cố xảy ra và trang bị kiến thức chuyên môn cho đội ngũ vận hành hệ thống xử lý khí thải;

- Khi có sự cố xảy ra, dừng hoạt động của tất cả thiết bị trong từng dây chuyền, di chuyển công nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm, kiểm tra hệ thống và thông báo cho đơn vị bảo trì đến xử lý sự cố. Trong trường hợp sự cố nghiêm trọng, chưa giải quyết được, Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng sẽ dừng sản xuất toàn bộ các công đoạn để xử lý sự cố, đồng thời, báo cáo Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn, giải quyết;

- Thường xuyên kiểm tra các hệ thống cấp điện cho quạt hút để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và có biện pháp khắc phục kịp thời. Nếu xảy ra sự cố mất điện, quạt hút, máy bơm của hệ thống không hoạt động thì báo ngay với ban lãnh đạo, sử dụng máy phát điện dự phòng để tiếp tục cung cấp điện cho hệ thống;

- Khuyến khích bố trí thiết bị dự phòng để thay thế khi thiết bị chính bị hỏng, bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định; Lắp đặt thiết bị hoặc có biện pháp để cảnh báo nguy cơ xảy ra sự cố phù hợp với loại hình công nghệ xử lý khí thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ buồng phun sơn 01;
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ buồng phun sơn 02;
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ buồng phun sơn 03;
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ buồng phun sơn 04;
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn cưa, rong, bào (xưởng 1);
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn phay, mộng, khoan, đục,... (xưởng 1);

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn gia công gỗ (xưởng 2);
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi 5 tấn/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đầu ra ống xả khí thải sau khi được xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải thực hiện đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tương ứng tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, việc quan trắc khí thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành các công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm của các công trình xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này, Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi về Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu sử dụng để vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Có kế hoạch và lộ trình nâng cấp, cải tạo các công trình xử lý khí thải để bảo đảm giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí, đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPM-T-BQL ngày tháng năm 2025
của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Hoạt động của khu vực xây gỗ;
- Nguồn số 02: Hoạt động của khu vực gia công gỗ: tiếng ồn tại các máy cưa, máy bào, máy phay, máy cắt, máy đục, phay mộng,...;
- Nguồn số 03: Khu vực các quạt hút của các hệ thống xử lý Cyclone (X1-X6);
- Nguồn số 04: Hoạt động của máy nén khí.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường về tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (khu vực thông thường) đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, cụ thể như sau:

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (khu vực E) kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, cụ thể như sau:

Từ 6 giờ đến 18 giờ (dBA)	Từ 18 giờ đến 22 giờ (dBA)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	65	60	-	Khu vực E

2.2. Độ rung:

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (khu vực thông thường) đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, cụ thể như sau:

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	60	-	Khu vực thông thường

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (khu vực D) kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, cụ thể như sau:

Từ 6 giờ đến 22 giờ (dB)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Tách riêng khu vực văn phòng và khu vực sản xuất; Chủ cơ sở đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành;
- Các loại máy móc thiết bị gây ồn, rung lớn được lắp đặt đệm chống rung, nền móng máy bằng bê tông chịu lực cao;
- Thường xuyên bảo dưỡng các loại máy móc thiết bị, vận hành đúng công suất, bôi trơn dầu mỡ;
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung;
- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân;
- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao;
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân;
- Trồng cây xanh xung quanh cơ sở, các tuyến đường nội bộ để tạo cảnh quan, giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 2 Phần A Phụ lục này;
- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi có dấu hiệu xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày tháng năm 2025
của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1,3
	Tổng cộng		1,3

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã số chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Gỗ thừa phế liệu, mùn cưa, dăm bào	18 01 07	11.700
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	835
3	Bu lông, vỏ hộp kim loại	-	520
4	Các loại bao túi, ni lông, vỏ nhựa,...	18 01 06 12 08 06	100
5	Tro xỉ đốt lò hơi, bùn cặn từ các bể đập bụi khí thải lò hơi	04 02 06	3.085
6	Bụi từ hệ thống hút bụi, hệ thống xử lý bụi trung tâm	-	1.035
7	Cặn bùn từ bể đập bụi	-	160
	Tổng cộng		17.435

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 42,9 tấn/năm**1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau thải chứa thành phần nguy hại	18 02 01	22,1
2	Cặn sơn, sơn và vecni có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại	08 01 01	6,4
3	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng mực in, vụn sơn thải, gỉ sắt, sơn,	08 02 01	31,95

	chất kết dính và nhựa thải		
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	4,9
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	4,2
6	Vỏ bao bì thải bằng nhựa	18 01 03	5
	Tổng cộng		74,55

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích kho lưu chứa: 9,9m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Nền làm bằng bê tông cốt thép, chịu lực, không thấm nước; Có gờ chắn tràn xung quanh (cao 15cm); Tường gạch xây kín 3 mặt, chiều cao 3m; Mái lợp bằng tôn; Cửa đóng kín, đảm bảo không để rơi vãi ra ngoài.
- Trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích kho lưu chứa:
 - + 01 kho lưu chứa chất thải rắn sản xuất thông thường (bao bì đựng, thùng carton, giấy nhám, tro xỉ lò đốt, bùn cặn từ các bể đập bụi lò hơi, bụi gỗ thu hồi từ các hệ thống xử lý khí thải,...) với diện tích 9,9m²; được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.
 - + Gỗ thừa được tập kết tại bãi chứa gỗ thải riêng biệt với diện tích 26x14 = 384 m² cùng với mùn cưa, dăm bào,... được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa:
 - + Kho lưu chứa chất thải rắn thông thường: Nền làm bằng bê tông cốt thép, chịu lực, không thấm nước; Tường xây kín 3 mặt, chiều cao 3m; Mái lợp bằng tôn; Cửa đóng kín, đảm bảo không để rơi vãi ra ngoài; Cửa thông gió tự nhiên hoặc quạt thông gió;
 - + Bãi tập kết chứa gỗ thải ngoài trời không có mái che, nền đất đá mặt đường.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Diện tích kho lưu chứa: 9,9m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Nền làm bằng bê tông cốt thép, chịu lực, không thấm nước; Tường xây kín 3 mặt, chiều cao 3m; Mái lợp bằng tôn; Cửa đóng kín, đảm bảo không để rơi vãi ra ngoài.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các hệ thống, công trình lưu chứa chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2025) và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2025
của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình, công trình sản xuất, các công trình bảo vệ môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quyết định số 302/QĐ-BQL ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xí nghiệp chế biến gỗ Vinafor Đà Nẵng” của Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng tại đường số 11, Khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (nay là phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng); không còn hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các trách nhiệm về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; Thực hiện lưu giữ báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Xí nghiệp chế biến gỗ Vinafor Đà Nẵng” đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện và các tài liệu liên quan khác để cơ quan có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

3. Thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp phường/xã nơi thực hiện, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT; Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công

nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất; Tăng cường hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Xây dựng lộ trình, kế hoạch triển khai đầu tư các thiết bị phun sơn hiện đại, tiên tiến nhằm hạn chế phát thải môi trường theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố tại mục 1.2 Thông báo số 293/TB-VP ngày 04/11/2019, cụ thể “Đề nghị Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng sớm nghiên cứu, sắp xếp lại mặt bằng sản xuất, chuyển đổi ngành nghề hoặc đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến”.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

